

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
GAS ĐÔ THỊ**

Tầng 4, số 167 Trung Kính, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 04.37346848 Fax: 04.37346838
<http://pvgascity.com.vn>



GAS CITY

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2019**

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2020
Số 03 /BC-KĐT



I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát.

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ**
- Tên Tiếng Anh: **PETROVIETNAM GAS CITY INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **PVGAS CITY**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102349865
- Vốn điều lệ: 188.700.000.000 VND (Một trăm tám tám tỷ bảy trăm triệu đồng)
- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2019: 169.913.332.629 VND (một trăm sáu chín tỷ chín trăm mười ba triệu, ba trăm ba hai nghìn, sáu trăm hai chín đồng)
- Trụ sở chính: Tầng 4 - Số 167 Trung kính - Phường Yên Hòa - Cầu Giấy - Hà nội.
- Điện thoại: 024. 37346848; Fax: 024.37346838
- Website: <http://pvgascity.com.vn>
- Email: info@pvgascity.com.vn
- Mã cổ phiếu: PCG
- Logo công ty:



2. Quá trình hình thành và phát triển

- Thành lập theo nghị quyết số 1877/NQ-DKVN ngày 06/7/2007 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0102349865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/08/2007, sửa đổi lần thứ 17 ngày 30 tháng 5 năm 2019.
- Thời điểm niêm yết: 29/12/2010

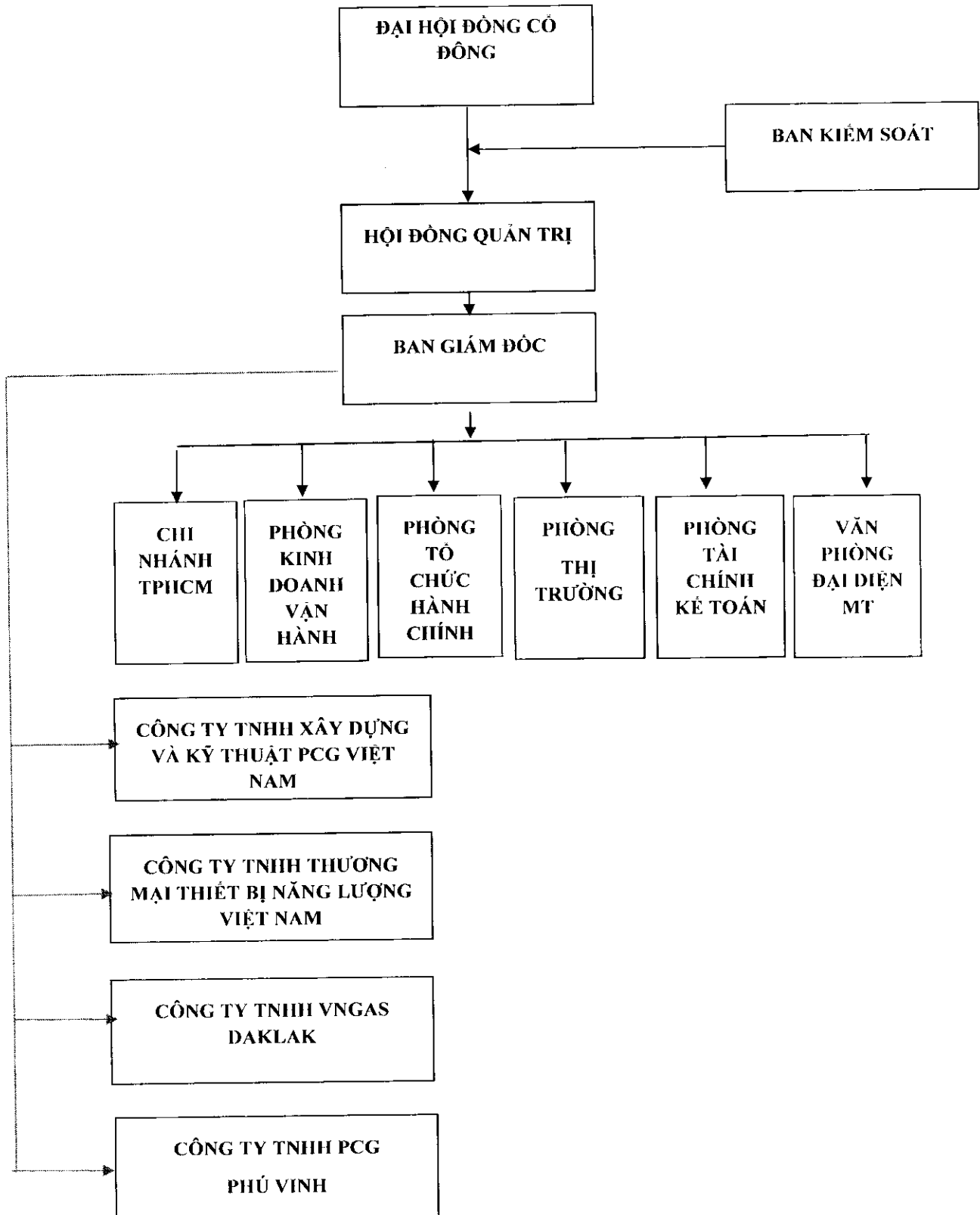
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của công ty là kinh doanh các sản phẩm gas. Các hoạt động liên quan đến xây lắp và cung cấp dịch vụ khác cũng là để phục vụ cho việc kinh doanh các sản phẩm gas.

- Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài lãnh thổ Việt Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/

4.1. Mô hình quản trị/.



Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty cổ phần, tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp Việt Nam và các quy định khác của pháp luật.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý.

- Ban điều hành: 03 người
 - o Ông Wangxin – Giám đốc
 - o Ông Liuxiaodong - Phó Giám đốc
 - o Ông Martin Wong Siew Bing-- Phó Giám đốc
- Các phòng chức năng, chi nhánh, VPDD:
 - o Phòng Tổ chức hành chính;
 - o Phòng Tài chính kế toán;
 - o Phòng Kinh doanh vận hành;
 - o Phòng thị trường;
 - o Chi nhánh TPHCM;
 - o Văn phòng đại diện Miền Trung.

4.3. Các công ty con:

- o Công ty TNHH xây dựng và kỹ thuật PCG Việt Nam;
- o Công ty TNHH Thương mại thiết bị năng lượng Việt Nam;
- o Công ty TNHH VNGAS Daklak
- o Công ty TNHH PCG Phú Vinh

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- Củng cố hệ thống khách hàng hiện thời, tăng cường các hoạt động tìm kiếm và tiếp xúc để phát triển thêm khách hàng công nghiệp/khu công nghiệp mới. chú trọng các khách hàng trong các khu công nghiệp có sản lượng dùng gas lớn.
- Mở rộng chuỗi kinh doanh để gia tăng sản lượng và lợi nhuận kinh doanh LPG.
- Tăng cường hợp tác đầu tư, thi công xây lắp hệ thống LPG cho khu công nghiệp và khách hàng công nghiệp nhằm tăng doanh thu xây lắp.
- Nghiên cứu đa dạng hóa nguồn khí cung cấp bằng đường ống cho các khách hàng tại các khu công nghiệp.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp khí đốt trung tâm để cung cấp khí cho các khách hàng tại các khu công nghiệp.
- Đầu tư xây dựng mạng lưới hệ thống cung cấp khí đốt trung tâm cho các khu đô thị lớn, đặc biệt là khí đốt thiên nhiên.
- Phát triển nhiên liệu sạch thân thiện với môi trường.

- Chú trọng tập trung lĩnh vực xây lắp, nhận thầu thi công hệ thống gas trung tâm cho các khu đô thị, công nghiệp.
- Đào tạo nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tăng cường xây dựng, mở rộng các đối tác kinh doanh từ khâu cung cấp nguồn khí, cung cấp VTIB, thi công xây dựng nhằm nâng cao năng lực cung cấp, thi công xây dựng.

5.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

- Đầu tư xây dựng mạng lưới hệ thống cung cấp khí đốt trung tâm theo ba tiêu chí an toàn, chất lượng, kinh tế, đặc biệt tập trung vào khí đốt thiên nhiên.
- Phát triển nhiên liệu sạch thân thiện với môi trường.

6. **Các rủi ro:** (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)

- Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do Ban giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có thay đổi về giá trong tương lai.
- Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không và để giảm thiểu rủi ro này.
- Nguy cơ cháy, nổ do thiên tai khách quan và chủ quan (cháy nổ ở các chung cư), ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty đang thi hành nhiều biện pháp, chính sách quản lý chất lượng, chính sách an toàn trong từng khâu hoạt động sản xuất, kinh doanh khí, nhận diện các yếu tố tác động có thể gây rủi ro cháy nổ cao, để có biện pháp quản lý, kiểm soát phù hợp, đồng thời ngăn ngừa tối đa rủi ro do cháy nổ.
- Hệ thống chính sách pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực hệ thống Gas trung tâm chưa đồng bộ, chưa khuyến khích, gây khó khăn cho doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực này.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Do các công ty con của Công ty đều thành lập vào năm 2019, nên số liệu nêu tại phần báo cáo này là số liệu của Công ty mẹ:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:

Năm 2019 vẫn là một năm khó khăn đối với Công ty do giá LPG biến động, thị trường cạnh tranh khốc liệt về giá và dịch vụ. Thị trường bất động sản hồi phục chậm, các

chủ đầu tư các khu công nghiệp chưa thu hút được khách hàng tiềm năng vào đầu tư, ...
Vi vậy, mặc dù sản lượng đạt kế hoạch nhưng kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn không có lãi.

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu chính

| STT (A) | CHỈ TIÊU (B) | Thực hiện năm 2018 -1 | Kế hoạch năm 2019 -2 | Thực hiện năm 2019 | % TH2019 so với KH2019 (3)/(2) | (%) TH2019 so với TH2018 (3)/(1) |
|------------|-------------------------------------|-----------------------------|----------------------------|-----------------------|--|--|
| I | Chỉ tiêu sản lượng | | | | | |
| 1 | LPG (tấn) | 20,047.00 | 19,273.10 | 20,144.65 | 105% | 100% |
| 2 | Xây lắp (ký mới) | | | 0 | | |
| II | Chỉ tiêu tài chính (tỷ đồng) | | | 0 | | |
| 1 | Doanh thu | 249,038.95 | 309,750.69 | 290,378.03 | 94% | 117% |
| 2 | Giá vốn | 238,536.35 | 286,647.35 | 273,401.46 | 95% | 115% |
| 3 | Chi phí bán hàng và quản lý DN | 24,489.13 | 49,017.78 | 45,715.56 | 93% | 187% |
| 4 | Lợi nhuận tài chính | 5,733.50 | 2,018.20 | 1,468.43 | 73% | 26% |
| 5 | Lợi nhuận khác | 171.99 | 706.00 | -4,228.33 | -599% | -2458% |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | -3,208.98 | -22,482.02 | -31,499.07 | 140% | 982% |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế | -3,208.98 | -22,482.02 | -31,499.07 | 140% | 982% |

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Ban điều hành

2.1.1. Ông Wang xin - Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 06/12/1963
- Quốc tịch: Trung Quốc
- Dân tộc: Hán
- Trình độ chuyên môn: Đại học Sơn Đông khoa Vi trùng học.

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------|---|-------------------|
| 8/1995 - 01/2009 | SHV Holdings N.V., China Holdings | Phó Chủ tịch |
| 01/2009 - 12/2011 | America China Gas Partners, Co.Ltd (Trung Quốc) | Phó Tổng giám đốc |
| 01/2012 - 01/2014 | Phòng kinh doanh Quốc tế thuộc ENN Group | Tổng giám đốc |
| 01/2014 - 8/2015 | ENN (American) Transfuels | Phó chủ tịch |
| 9/2015 - 3/2017 | GDFSUEZ, Trung Quốc | Phó Chủ tịch |
| 3/2017 - 10/2018 | SuChuang Gas Corporation Limited | Phó tổng giám đốc |
| 5/2019 - nay | Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas đô thị | Giám đốc |

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0

2.1.2. Ông Liuxiaodong – Phó Giám đốc

- o Giới tính: Nam
- o Ngày tháng năm sinh: 28/01/1973
- o Quốc tịch: Trung Quốc
- o Dân tộc: Hán
- o Trình độ chuyên môn: Đại Học Công Nghiệp Bắc Kinh - Khoa Thiết kế và Chế tạo máy
- o Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|--------------------|--|---|
| 8/1996 - 8/2002 | Công ty TNHH Công nghiệp Changkong Bắc Kinh | Phó trưởng phòng |
| 3/2003 - 3/2005 | Công ty TNHH Công nghệ lọc Chengtian Beida Bắc Kinh | Trưởng Phòng |
| 4/2005 - 6/2011 | Tập đoàn đầu tư Kangde | Phó Tổng giám đốc |
| 7/2011 - 12/2011 | Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng ENN | Phó Tổng giám đốc khu vực Đông Trung Quốc |
| 01/2012 - 7/2013 | Công ty TNHH Phát triển Khoa học và Công nghệ ENN | Tổng giám đốc |
| 8/2013 - 12/2016 | Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng ENN | Tổng giám đốc |
| 01/2017 - 3/2018 | Công ty TNHH Công nghệ Internet Năng lượng Phổ quát ENN, Khu vực Đông Bắc Trung Quốc | Tổng giám đốc |
| 5/2018 - 3/2019 | Công ty TNHH Năng lượng mới Tunghsu Azure | Tổng giám đốc Trung tâm |
| 3/2019 - 21/5/2019 | ENN Energy Holdings Limited | Thực tập |
| 21/5/2019 - nay | Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị | Phó giám đốc |

- o Số cổ phần sở hữu cá nhân: Không

2.1.3. Ông Martin Wong Siew Bing - Phó Giám đốc

- o Giới tính: Nam
- o Ngày tháng năm sinh: 27/03/1982
- o Quốc tịch: Malaysia
- o Dân tộc: Hoa
- o Trình độ chuyên môn: Đại Học Curtin, Khoa Kế toán và Tài chính.
- o Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------|--|----------------------------|
| 11/2017 - 02/2018 | Trụ sở - Tập đoàn Investment and Finance Empowerment Group | Giám đốc tài chính cấp cao |
| 3/2018 - nay | Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị | Phó giám đốc |

- o Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0

2.2. Kế toán trưởng

- o Bà Đặng Thái Hà
- o Ngày tháng năm sinh: 10/11/1977
- o Nơi sinh: Hà Nội Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- o Địa chỉ thường trú: 13 ngách 14 Ngõ 639 Hoàng Hoa Thám, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Hà Nội
- o Số CMND: 011875446 do Công an Hà Nội cấp ngày 19/11/2008
- o Trình độ văn hoá: 12/12
- o Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán
- o Chứng chỉ hành nghề: Kế toán trưởng ; Dịch vụ thuế
- o Quá trình công tác, kinh nghiệm

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------|-------------------|--|
| 1999 - 2000 | Nhân viên kế toán | Công ty phát triển công nghệ thông tin AIC |
| 2000 - 2007 | Nhân viên kế toán | Công ty CP Bánh kẹo Hải Hà |
| 2007 - 2008 | Nhân viên kế toán | Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị |
| 2008 - 11/2010 | Phó phòng TCKT | Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị |
| 11/2010 - đến nay | Kế toán trưởng | Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị |

- o Số cổ phần sở hữu cá nhân: Không

2.3. Những thay đổi trong điều hành

- Trong năm 2019, Công ty thay đổi nhân sự trong ban điều hành như sau:

- o Ông Văn Tuấn Anh thôi kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty kể từ ngày 23/5/2019;
- o Ông Wangxin đảm nhận chức vụ Giám đốc Công ty kể từ ngày 23/5/2019;
- o Ông Chen Zhiben thôi đảm nhận chức vụ Phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 23/05/2019;
- o Ông Liu Xiaodong đảm nhận chức vụ phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 23/5/2019
- o Ông Bùi Xuân Năng thôi đảm nhận chức vụ phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 02/7/2019;

2.4. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

- Đến 31/12/2019, tổng số cán bộ nhân viên 73 người;
- Đảm bảo việc ký hợp đồng lao động, trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác của người lao động theo đúng các quy định của pháp luật;
- Thực hiện đúng các chế độ lương thưởng các dịp lễ tết cho người lao động theo quy định của Công ty và pháp luật;

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2019, Công ty mua lại phần vốn góp của Công ty TNHH VNGAS Daklak với giá trị 15 tỷ đồng (VND). Hiện tại, Công ty TNHH VNGAS Daklak tiếp tục hoạt động theo định hướng phát triển của Công ty mẹ.
- Các công ty con:
 - o Công ty TNHH xây dựng và kỹ thuật PCG Việt Nam; Hoạt động chính trong lĩnh vực xây lắp các công trình khí; các dự án xây lắp cho Công ty mẹ và các dự án xây lắp bên ngoài.
 - o Công ty TNHH Thương mại thiết bị năng lượng Việt Nam; Hoạt động chính trong các lĩnh vực kinh doanh VTTB ngành khí và các VTTB ngoài ngành.
 - o Công ty TNHH VNGAS Daklak : Hoạt động chính trong lĩnh vực chiết nạp LPG; bán lẻ bình LPG; và sơn sửa vỏ bình LPG.
 - o Công ty TNHH PCG Phú Vinh: Thành lập để thực hiện dự án xây lắp hệ thống cấp khí Trung tâm cho các nhà máy tại khu Công nghiệp Phú Vinh (Kỳ Anh, Hà Tĩnh). Tuy nhiên do dự án chưa triển khai, nên Công ty TNHH PCG Phú Vinh chưa hoạt động.

Tóm tắt tình hình tài chính của các Công ty con như sau:

| STT | Nội dung | Mã | EET | PCG | Phú Vinh | Daklak |
|-------------------------------|--|-----------|----------------------|---------------------|-------------------|----------------------|
| CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH | | | | | | |
| | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 2,519,422,104 | 830,000,000 | | 6,409,207,920 |
| | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 0 | 0 | 0 |
| | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | 2,519,422,104 | 830,000,000 | | 6,409,207,920 |
| | 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 2,216,062,153 | 705,558,424 | | 4,926,454,317 |
| | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | 303,359,951 | 124,441,576 | | 1,482,753,603 |
| | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 1,161,012 | 403,117 | 18,580 | 219,465 |
| | 7. Chi phí tài chính | 22 | | | 0 | 0 |
| | - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | | 0 | 0 |
| | 8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết | 24 | | | 0 | 0 |
| | 9. Chi phí bán hàng | 25 | 72,879,000 | 2,093,603 | | 1,056,493,543 |
| | 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 326,310,077 | 738,864,709 | 5,304,800 | 904,557,653 |
| | 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22) - (24+25)) | 30 | -94,668,114 | -616,113,619 | -5,286,220 | -478,078,128 |
| | 12. Thu nhập khác | 31 | | | | 5,281,516 |
| | 13. Chi phí khác | 32 | | | | 1,800,000 |
| | 14. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | 0 | 0 | 0 | 3,481,516 |
| | 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | -94,668,114 | -616,113,619 | -5,286,220 | -474,596,612 |
| | 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | | | 0 |
| | 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | | | 0 |
| | 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | -94,668,114 | -616,113,619 | -5,286,220 | -474,596,612 |

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | % tăng giảm |
|-----|-----------------------------------|-----------------|-----------------|-------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 243,588,633,668 | 228,840,592,595 | -6.1% |
| 2 | Doanh thu thuần | 335,611,477,385 | 290,378,027,527 | -13.5% |
| 3 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | -8,423,966,561 | -27,270,738,167 | 223.7% |
| 4 | Lợi nhuận khác | 318,555,330 | -4,228,331,461 | 1427.3% |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | -8,105,411,231 | -31,499,069,628 | 288.6% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | -8,105,411,231 | -31,499,069,628 | 288.6% |
| 7 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | -437 | -1,673 | 282.9% |

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | Ghi chú |
|----------|---|----------|----------|---------|
| 1 | Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| | Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ NII) | 4.84 | 2.89 | |
| | Hệ số thanh toán nhanh ((TSNII-Hàng tồn kho)/Nợ NII) | 4.36 | 2.59 | |
| 2 | Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| | Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0.17 | 0.26 | |
| | Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 0.21 | 0.35 | |
| 3 | Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| | Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân) | 12.30 | 10.31 | |
| | Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 1.38 | 1.27 | |
| 4 | Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| | Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần | -0.02 | -0.11 | |
| | Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu | -0.04 | -0.19 | |
| | Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản | -0.03 | -0.14 | |
| | Hệ số Lợi nhuận từ HĐSXKD/Doanh thu thuần | -0.03 | -0.09 | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 18.870.000 (Mười tám triệu tám trăm bảy mươi)
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 18.870.000 (Mười tám triệu tám trăm bảy mươi)

5.2. Cơ cấu cổ đông: Theo danh sách chốt ngày 05/07/2019

| TT | Phân loại cổ đông | SL cổ đông | Tổng số cổ phần | Tỷ lệ %/VDL |
|----|--------------------|------------|-----------------|-------------|
| 1 | Cổ đông lớn | 4 | 15,605,300 | 82.70 |
| | Cổ đông nhỏ | 1.175 | 3,264,700 | 17.30 |
| 2 | Cổ đông tổ chức | 16 | 12,627,522 | 66.92 |
| | Cổ đông cá nhân | 1.163 | 6,242,478 | 33.08 |
| 3 | Cổ đông trong nước | 1.157 | 9,941,280 | 52.68 |
| | Cổ đông nước ngoài | 22 | 8,928,720 | 47.32 |
| 4 | Cổ đông nhà nước | 1 | 218,100 | 1.16 |
| | Cổ đông khác | 1178 | 18,651,900 | 98.84 |

5.3. *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.* Không có

5.4. *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* Không có

5.5. *Các chứng khoán khác:* Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có
- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng.

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:
 - o Điện phục vụ cho hoạt động văn phòng: 8.973 kwh/tháng, điện tại các trạm (bình quân 10-30KWh/trạm/tháng, sử dụng chủ yếu cho chiếu sáng/chạy báo rò gas, báo cháy)
 - o Xăng cho ô tô 824,16 lít/tháng;
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không có

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm): Không đáng kể do hoạt động SXKD không sử dụng nước, nước chỉ dùng cho sinh hoạt văn phòng (73 CBNV, VP hạng B).

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: nguồn cung cấp nước là nước máy, lượng tiêu thụ trung bình 70 m3/tháng.
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Đến 31/12/2019, tổng số cán bộ nhân viên 73 người;
- Mức lương cho người lao động đảm bảo phù hợp với mặt bằng chung và tình hình thị trường. Thu nhập bình quân đạt: 11,23 triệu đồng/người/tháng;
- Đào tạo: Triển khai đào tạo cho 61 lượt người bao gồm đào tạo theo yêu cầu pháp luật và đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, với tổng chi phí 49,785 triệu đồng.
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động. Công tác an toàn, bảo hộ lao động được chú trọng, các CBNV làm việc tại các bộ phận có yêu cầu nghiêm ngặt về bảo hộ, trang thiết bị lao động đều được Công ty cấp phát và trang bị đầy đủ. 100% CBNV công ty được khám sức khỏe định kỳ hàng năm; được Công ty mua bảo hiểm con người ...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không có

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBC KNN: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2019 là một năm khó khăn đối với Công ty:

- Về kinh doanh LPG: giá dầu và LPG ở ngưỡng thấp, phân khúc bán nguồn và công nghiệp cạnh tranh rất gay gắt do các đơn vị cạnh tranh nhập khẩu trực tiếp từ các nguồn khác nên giá vốn thấp và chế độ bán hàng linh hoạt ...
 - Về lĩnh vực xây lắp: thị trường bất động sản hồi phục chậm, các chủ đầu tư giãn tiến độ thi công, các dự án có xu hướng sử dụng điện, quy hoạch về hệ thống gas trung tâm không có tại Việt Nam ...
 - Công ty phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi, trích lập giảm giá hàng tồn kho
- Vi vậy, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bị âm.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | So sánh với kỳ trước | |
|--|------------------------|------------------------|-------------------------|----------------------|
| | | | CL so với kỳ trước | % CL so với kỳ trước |
| A- TÀI SẢN NGÂN HẠN | 198,336,710,771 | 166,868,367,891 | (31,468,342,880) | -15.87% |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 66,761,534,103 | 25,746,099,485 | (41,015,434,618) | -61.44% |
| 1. Tiền | 21,761,534,103 | 25,746,099,485 | 3,984,565,382 | 18.31% |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 45,000,000,000 | - | (45,000,000,000) | -100.00% |

| | | | | |
|---|-----------------------|-----------------------|------------------------|----------------|
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 16,691,591,658 | 17,700,000,000 | 1,008,408,342 | 6.04% |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | - | - | - | |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | - | - | - | |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 16,691,591,658 | 17,700,000,000 | 1,008,408,342 | 6.04% |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 93,488,172,240 | 96,334,407,690 | 2,846,235,450 | 3.04% |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 52,922,880,737 | 40,705,012,841 | (12,217,867,896) | -23.09% |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 15,045,864,405 | 31,667,714,366 | 16,621,849,961 | 110.47% |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | - | - | - | |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | - | - | - | |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 20,000,000,000 | 21,200,000,000 | 1,200,000,000 | 6.00% |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 6,211,007,187 | 3,562,161,579 | (2,648,845,608) | -42.65% |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (760,313,887) | (840,638,676) | (80,324,789) | 10.56% |
| 8. Tài sản Thiếu chờ xử lý | 68,733,798 | 40,157,580 | (28,576,218) | -41.58% |
| IV. Hàng tồn kho | 19,403,903,156 | 17,664,390,999 | (1,739,512,157) | -8.96% |
| 1. Hàng tồn kho | 19,403,903,156 | 19,087,819,146 | -316,084,010 | -1.63% |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | (1,423,428,147) | (1,423,428,147) | |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 1,991,509,614 | 9,423,469,717 | 7,431,960,103 | 373.18% |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 456,270,090 | 218,297,349 | (237,972,741) | -52.16% |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 1,535,239,524 | 9,205,172,368 | 7,669,932,844 | 499.59% |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | - | - | - | |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | - | - | - | |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | - | - | - | |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 45,251,922,897 | 61,972,224,704 | 16,720,301,807 | 36.95% |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 2,251,668,254 | 1,506,028,477 | (745,639,777) | -33.11% |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 8,004,149,558 | 14,449,080,885 | 6,444,931,327 | 80.52% |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | - | 5,718,091,500 | 5,718,091,500 | |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | - | - | - | |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | - | - | - | |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | - | - | - | |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 135,295,872 | 77,795,872 | (57,500,000) | -42.50% |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | (5,887,777,176) | (18,738,939,780) | (12,851,162,604) | 218.27% |

| | | | | |
|---|------------------------|------------------------|-------------------------|------------------|
| II. Tài sản cố định | 17,050,488,623 | 16,623,982,259 | (426,506,364) | -2.50% |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 16,199,223,663 | 15,803,977,852 | (395,245,811) | -2.44% |
| - Nguyên giá | 27 289 457 874 | 24 655 935 297 | -2 633 522 577 | -9.65% |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | (11,090,234,211) | (8,851,957,445) | 2,238,276,766 | -20.18% |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | - | - | - | - |
| - Nguyên giá | - | - | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | - | - | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 851,264,960 | 820,004,407 | (31,260,553) | -3.67% |
| - Nguyên giá | 1,408,758,913 | 1,408,758,913 | - | 0.00% |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | (557,493,953) | (588,754,506) | (31,260,553) | 5.61% |
| III. Bất động sản đầu tư | - | - | - | - |
| - Nguyên giá | - | - | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | - | - | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 3,208,104,221 | 1,734,852,272 | (1,473,251,949) | -45.92% |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | - | - | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 3,208,104,221 | 1,734,852,272 | (1,473,251,949) | -45.92% |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 100,000,000 | 17,655,001,721 | 17,555,001,721 | 17555.00% |
| 1. Đầu tư vào công ty con | - | 18,604,854,163 | 18,604,854,163 | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | - | - | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | - | - | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | - | (1,190,664,565) | (1,190,664,565) | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 100 000 000 | 240 812 123 | 140,812,123 | 140.81% |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 22,641,661,799 | 24,452,359,975 | 1,810,698,176 | 8.00% |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 22,536,481,588 | 24,347,179,764 | 1,810,698,176 | 8.03% |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoàn lại | 105,180,211 | 105,180,211 | - | 0.00% |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | - | - | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | - | - | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | - | - | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 243,588,633,668 | 228,840,592,595 | (14,748,041,073) | -6.05% |

- Các khoản tương đương tiền phản ánh số dư tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi.
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời hạn thu hồi dưới 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn thu hồi trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- Công ty có một số khoản trả trước cho người bán

| Tên | Năm 2018 | Năm 2019 |
|---|---------------|----------------|
| Công ty TNHH đầu tư xây dựng hạ tầng Phú Vinh (i) | | 31.434.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Hải | 7.500.000.000 | |
| Công ty CP Sông Đà – Thăng Long (ii) | 5.577.000.000 | 5.577.000.000 |
| Đối tượng khác | 1.968.864.405 | 374.805.866 |

- o (i) Phản ánh khoản ứng trước theo Hợp đồng số 01/2019/HĐTD/PV ngày 07/01/2019 để thuê lại quyền sử dụng đất và chuyển nhượng cơ sở hạ tầng gắn liền trên đất trong khu công nghiệp Phú Vinh thuộc khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh.
- o (ii) Khoản trả trước theo Hợp đồng số 2533/2017/HĐMB-UVK và 2534/2017/HĐMB-UVK ngày 05/01/2017 để mua 02 căn hộ tòa nhà C14-108 thuộc Dự án USILK City do Công ty CP Sông Đà – Thăng Long làm chủ đầu tư cho mục đích đầu tư để bán. Theo Hợp đồng mua bán, các căn hộ này sẽ được bàn giao chậm nhất là vào ngày 31/12/2018, tuy nhiên đến ngày 31/12/2019, các căn hộ này vẫn chưa được bàn giao.
- Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.
 - o Khoản trả trước tiền thuê văn phòng phản ánh chi phí thuê 508m² văn phòng tại tầng 4, tòa nhà Viện Dầu Khí, số 167 Trung Kính Yên, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 50 năm tính từ năm 2010. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
 - o Trong Chi phí trả trước dài hạn, Tiền thuê văn phòng tại Tòa nhà Viện dầu khí chiếm 97% (23.797.157.229 đồng).
- Phải thu về cho vay ngắn hạn:
Phản ánh số dư phải thu Công ty cổ phần đầu tư Việt Tú theo Hợp đồng cho vay số 12/HĐKDT ngày 10/05/2018, phụ lục gia hạn khoản vay số 01 ngày 03/06/2019 với số tiền gốc cho vay là 21.200.000 đồng và lãi suất cho vay 6%/năm. Thời hạn của khoản vay là 12 tháng kể từ ngày được gia hạn 09/02/2019 đến ngày 09/02/2020. Gốc vay và lãi vay được trả một lần vào ngày hết hạn khoản vay.

- Hiện nay công ty có một số khoản nợ xấu của các khách hàng, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

| STT | Đối tượng | Năm 2018 | Năm 2019 | Chênh lệch |
|-----|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1 | Công ty CP Sông Đà – Thăng Long | 4,006,942,801 | 9,583,942,801 | 5,577,000,000 |
| | Công ty TNHH MTV KD Dầu Khí Việt Hải | | 2,973,279,100 | 2,973,279,100 |
| | Công ty TNHH khí hóa lỏng Đông Đô | | 2,905,659,887 | 2,905,659,887 |
| 2 | Công ty CP Khí hóa lỏng Bắc Giang | 2,440,962,465 | 2,635,291,171 | 194,328,706 |
| 3 | Công ty CP Bê tông và xây dựng Vinaconex Xuân Mai | 2,100,000,000 | | -2,100,000,000 |
| 4 | Công ty CP ĐT&PT NL Hà Nội | 819,102,549 | 819,102,549 | 0 |
| 5 | Các khách hàng khác | 1,171,521,342 | 3,990,797,924 | 2,819,276,582 |
| | Tổng | 10,538,529,157 | 22,908,073,432 | 12,369,544,275 |

2.2. Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | So sánh với kỳ trước | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|
| | | | CL so với kỳ trước | % CL so với kỳ trước |
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 42,038,631,411 | 58,927,259,966 | 16,888,628,555 | 40.17% |
| I. Nợ ngắn hạn | 41,001,797,149 | 57,671,449,747 | 16,669,652,598 | 40.66% |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 31,503,338,111 | 32,975,894,659 | 1,472,556,548 | 4.67% |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 2,823,772,279 | 2,249,859,073 | (573,913,206) | -20.32% |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 30,092,099 | 92,787,780 | 62,695,681 | 208.35% |
| 4. Phải trả người lao động | 1,729,564,170 | 811,702,640 | (917,861,530) | -53.07% |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 841,423,937 | 1,034,749,939 | 193,326,002 | 22.98% |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | - | - | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | - | - | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 254,818,371 | 268,417,607 | 13,599,236 | 5.34% |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 2,918,353,013 | 2,688,169,025 | (230,183,988) | -7.89% |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | - | 16,957,900,000 | 16,957,900,000 | |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 494,802,783 | 283,336,638 | (211,466,145) | -42.74% |
| 12. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 405,632,386 | 308,632,386 | (97,000,000) | -23.91% |
| 13. Quỹ bình ổn giá | - | - | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | - | - | - | - |

| | | | | |
|--|----------------------|----------------------|--------------------|---------------|
| II. Nợ dài hạn | 1,036,834,262 | 1,255,810,219 | 218,975,957 | 21.12% |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | - | - | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | - | - | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | - | - | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | - | - | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | - | - | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | - | - | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 86,973,380 | 307,912,676 | 220,939,296 | 254.03% |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | - | - | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | - | - | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | - | - | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | - | - | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 949,860,882 | 947,897,543 | (1,963,339) | -0.21% |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | - | - | - | - |

- Trong các khoản nợ phải trả ngắn hạn thì phải trả người bán chiếm tỷ trọng lớn nhất (57%). Trong đó, nợ phải trả Công ty TNHH dầu khí Hải Hải là 13 699 548 964 đồng.

- Các khoản phải trả khác bao gồm các khoản như:

| | |
|-------------------------------|--------------------|
| Kinh phí công đoàn | 180.552.778 đồng |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 824.872.959 đồng |
| Tài sản thừa chờ giải quyết | 13.942.504 đồng |
| Phải trả cổ tức | 1.193.864.200 đồng |
| Phải trả khác | 474.936.584 đồng |

- Dự phòng phải trả là dự phòng bảo hành công trình, là ước tính chính xác nhất về khoản nợ phải trả cho thời hạn bảo hành mà công ty áp dụng đối với các công trình xây dựng phát sinh lỗi phải bảo hành.

| | |
|-----------------------------|--------------------|
| Tại ngày 1/1/2019 | 1.444.663.665 đồng |
| Trích lập bổ sung trong năm | 519.674.328 đồng |
| Sử dụng trong năm | (196.788.468) đồng |
| Hoàn nhập dự phòng | (536.315.344) đồng |
| Tại 31/12/2018 | 1.231.234.181 đồng |

- Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt

động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng chia cho các cổ đông.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Duy trì Hệ thống quản lý tích hợp ATCLMT.
- Hệ thống các quy trình, quy định được rà soát, cập nhập để đáp ứng công tác quản lý, điều hành của ban lãnh đạo và để kịp thời phục vụ hoạt động sản xuất của Công ty

4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý : không

5. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Củng cố hệ thống khách hàng hiện thời, tăng cường các hoạt động tìm kiếm và tiếp xúc để phát triển thêm khách hàng công nghiệp/khu công nghiệp mới, chú trọng các khách hàng trong các khu công nghiệp có sản lượng lớn.
- Tăng cường hợp tác đầu tư, thi công xây lắp hệ thống LPG cho khu công nghiệp và khách hàng công nghiệp nhằm tăng doanh thu xây lắp và bán LPG.
- Nghiên cứu đa dạng hóa nguồn khí cung cấp bằng đường ống cho các Thành phố và khu đô thị.

6. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Không có

7. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/

7.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải.....)

- Các chỉ tiêu tiêu thụ nước, điện, xăng dầu của Công ty đang ở mức trung bình;
- Công ty có khí phát thải ra môi trường qua việc sử dụng ô tô cho hoạt động của Công ty

7.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

- 100% CBNV được bố trí việc làm đầy đủ, phù hợp với chuyên môn, được đóng bảo hiểm đầy đủ và được mua bảo hiểm tự nguyện;
- Công ty thực hiện trả lương cho người lao động đầy đủ, đảm bảo trả lương đúng thời hạn, theo chức danh công việc đảm nhận;
- Công ty quan tâm, chăm lo đến đời sống tinh thần và vật chất của người lao động: các ngày lễ, tết, 8/3; 20/10, thành lập Công ty đều được công ty tổ chức các hoạt động tập thể nhằm mục đích gắn kết người lao động; Tổ chức đoàn thể là Công đoàn phối hợp với chính quyền thường xuyên thăm hỏi các CBNV khi ốm đau nhằm động viên, chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống

7.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

- Năm 2019, Công ty vẫn gặp rất nhiều khó khăn do nhà cung cấp thay đổi chính sách thanh toán; các chủ đầu tư cắt giảm đầu tư hệ thống Gas trung tâm nhằm tiết giảm chi phí; thị trường kinh doanh LPG cạnh tranh khốc liệt....Đối mặt với những khó khăn đó, tập thể CBNV Công ty đã nỗ lực cố gắng tập trung mở rộng tìm kiếm khách hàng LPG công nghiệp; hoàn thành quyết toán các hợp đồng xây lắp hệ thống gas; đảm bảo vận hành hệ thống citygas an toàn, hiệu quả, không có các hoạt động làm ảnh hưởng không phù hợp với môi trường và xã hội

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Ban giám đốc Công ty đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và các kết luận chỉ đạo của HĐQT tại các phiên họp, Ban giám đốc Công ty đã triển khai các biện pháp nhằm thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh như:
 - o Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình đã ký hợp đồng, quyết toán các hợp đồng đã thi công xong;
 - o Tìm kiếm khách hàng LPG công nghiệp; phát triển khách hàng citygas tại các dự án có hệ thống gas Trung tâm;
 - o Tái cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn nhẹ bộ máy, tiết kiệm chi phí quản lý, bán hàng....
- Trong công tác quản lý điều hành, Ban giám đốc đã phân giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban giám đốc, trực tiếp phụ trách các mảng hoạt động và các đơn vị trong Công ty theo nguyên tắc toàn diện và chịu trách nhiệm đến cùng các vấn đề được giao, trên cơ sở tuân thủ các quy định của Công ty và pháp luật.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

- Năm 2020 với những cơ hội và thách thức mới, để giữ vững và phát triển nâng cao hiệu quả SXKD, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tập trung chỉ đạo vào các lĩnh vực sau:
 - o Chỉ đạo Ban Giám đốc công ty triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, bám sát các hoạt động của Công ty trong việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, hỗ trợ và phối hợp Giám đốc xử lý kịp thời và tháo gỡ những khó khăn vướng mắc để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt và vượt mức kế hoạch được giao.
 - o Tăng cường công tác phát triển dự án LPG công nghiệp; Triển khai để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án LPG Công nghiệp, đảm bảo chất lượng, hoàn thành đúng tiến độ để đưa công trình vào sử dụng nhằm mở rộng thị trường kinh doanh LPG, CNG.... Đặc biệt là dự án mà công ty đã đầu tư trạm cấp.
 - o Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt Ban Giám đốc có phương án xử lý dứt điểm các tồn đọng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty như: thu hồi nợ khó đòi; chỉ đạo, định hướng các công ty con ...
 - o Chỉ đạo triển khai kế hoạch SXKD năm 2020 nhằm tiết kiệm tối đa chi phí để sản xuất kinh doanh có hiệu quả.
 - o Kiện toàn lại bộ máy quản lý cho phù hợp với tình hình mới để thực hiện các mục tiêu phát triển trong thời gian tới.
 - o rà soát, điều chỉnh lại các quy định quy chế nội bộ cho phù hợp với tình hình SXKD;

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2019 có 5 thành viên, trong đó không điều hành là 04.

| TT | Họ và tên | Chức vụ | | Số lượng CP SII | | Chức vụ tại TC khác |
|----|------------------|---------|--------------|-----------------|--------|--|
| | | | | Số lượng | Tỷ lệ | |
| 1 | Nguyễn Thanh Tú | CT | TV điều hành | 2.291.700 | 12.14% | TB NKK PVGAS Phó TGĐ của tập đoàn ENN, Trung Quốc |
| 2 | Liu Min | TV | TV không DII | | | |
| 3 | Giang Nhượng Tri | TV | TV không DII | | | |
| 4 | Liu yongxin | TV | TV không DII | | | |
| 5 | Youn Kwon Seok | TV | TV không DH | | | |

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc trong việc thực hiện Công tác tổ chức DIIĐCD thường niên năm 2019;
- Giám sát việc chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc; Việc triển khai các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;
- Chỉ đạo Giám đốc Công ty trong việc xây dựng KHKD năm 2020;
- Giám sát việc triển khai các dự án xây lắp hệ thống gas Trung tâm và công tác thanh quyết toán các dự án;
- Công tác thu hồi công nợ đối với các khách hàng LPG và xây lắp;
- Việc sử dụng lao động và thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Công ty và pháp luật;
- Chủ tịch Hội đồng quản trị thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để có những chỉ đạo kịp thời trong công tác lãnh đạo quản lý, điều hành của Ban Giám đốc;
- Năm 2020, HĐQT công ty tổ chức họp HĐQT, nội dung các cuộc họp và kết quả họp và xin ý kiến như sau :

| Stt | Ngày ban hành | Nội dung |
|---------------------------|---------------|---|
| I. Nghị quyết HĐQT | | |
| 1 | 14/3/2019 | Chốt danh sách cổ đông vào ngày 03/4/2019 |
| 2 | 09/4/2019 | Thông qua các nội dung sau trình DIIĐCD thường niên năm 2019: 1. Đồng ý Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018. Giao Giám đốc Công ty điều chỉnh lại KH năm 2019; |

| | | |
|---------------------------|------------|---|
| | | <ol style="list-style-type: none"> 2. Thông qua BCTC kiểm toán năm 2018; 3. Đồng ý quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2018 và KII chi trả năm 2019; 4. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018, KII hoạt động năm 2019; 5. Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2018, KII hoạt động năm 2019; 6. Thông qua miễn nhiệm, bầu thay thế TV HĐQT vào nội dung hợp ĐHĐCĐ thường niên 2019; 7. Thông qua thành lập pháp nhân tại Phú Vinh, Hà Tĩnh. |
| 3 | 12/4/2019 | Thành lập Công ty TNHH PCG Phú Vinh. |
| 4 | 26/4/2019 | Điều chỉnh tỷ lệ góp vốn tại dự án Khang Dương. |
| 5 | 26/4/2019 | Thông qua các nội dung sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Tái cơ cấu công ty; 2. Xử lý hàng tồn kho; 3. Xử lý nợ khó đòi. |
| 6 | 13/5/2019 | Đồng ý phương án tái cơ cấu tổ chức Công ty tại Tờ trình số 32/KĐT-BC ngày 06/5/2019. |
| 7 | 22/5/2019 | Bổ nhiệm, miễn nhiệm nhân sự cấp cao. |
| 8 | 03/6/2019 | Chấp thuận việc ủy quyền của TV HĐQT. |
| 9 | 04/6/2019 | Thông qua phương án phân loại tồn kho VITB tại Báo cáo số 11/KĐT-BC ngày 22/5/2019. |
| 10 | 26/6/2019 | Thông qua các nội dung sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Thôi đảm nhận chức vụ CT HĐQT Công ty kể từ ngày 02/7/2019 đối với ông Nguyễn Nhật Dương; 2. Bầu TV HĐQT là ông Liu Min giữ chức vụ CT HĐQT Công ty thay thế ông Nguyễn Nhật Dương kể từ ngày 02/7/2019; 3. Triệu tập ĐHĐCĐ bất thường lần 1.2019 vào tháng 8/2019 để trình thông qua việc miễn nhiệm 02 TV HĐQT (có đơn từ nhiệm) và bầu thay thế TV HĐQT, cũng như giải quyết các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ |
| 11 | 12/8/2019 | Bổ sung nội dung hợp ĐHĐCĐ bất thường lần 1.2019. |
| 12 | 21/8/2019 | Bầu chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường lần 1.2019. |
| 13 | 21/8/2019 | Sáp nhập 02 phòng: P.Kinh doanh và P. Vận hành An toàn Chất lượng thành Phòng Kinh doanh & Vận hành. |
| 14 | 26/8/2019 | Bầu chủ tịch HĐQT: bà Nguyễn Thanh Tú. |
| II Quyết định HĐQT | | |
| 1 | 09/04/2019 | Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 |

| | | |
|----|------------|--|
| 2 | 23/05/2019 | <ol style="list-style-type: none"> 1. Thôi đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty đối với ông Văn Tuấn Anh kể từ ngày 23/5/2019. 2. Bổ nhiệm Giám đốc -- người đại diện theo pháp luật của Công ty đối với ông Wang Xin kể từ ngày 23/5/2019. |
| 3 | 23/05/2019 | <ol style="list-style-type: none"> 1. Thôi đảm nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty đối với ông Chen ZhiBin kể từ ngày 23/5/2019. 2. Bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty đối với ông Liu XiaoDong kể từ ngày 23/5/2019. |
| 4 | 23/05/2019 | <ol style="list-style-type: none"> 1. Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc -- người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật PCG Việt Nam đối với ông Chen ZhiBin kể từ ngày 23/5/2019. 2. Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc -- người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật PCG Việt Nam đối với ông Liu XiaoDong kể từ ngày 23/5/2019. |
| 5 | 23/05/2019 | <ol style="list-style-type: none"> 1. Chấm dứt ủy quyền đại diện quản lý vốn của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas đô thị tại Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật PCG Việt Nam đối với ông Chen ZhiBin kể từ ngày 23/5/2019. 2. Ủy quyền đại diện quản lý vốn của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas đô thị tại Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật PCG Việt Nam đối với ông Liu XiaoDong kể từ ngày 23/5/2019. |
| 6 | 23/05/2019 | <ol style="list-style-type: none"> 1. Chấm dứt ủy quyền đại diện quản lý vốn của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas đô thị tại Công ty TNHH VN-GAS Dak Lak đối với ông Văn Tuấn Anh kể từ ngày 23/5/2019. 2. Ủy quyền đại diện quản lý vốn của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas đô thị tại Công ty TNHH VN-GAS Dak Lak đối với ông Nguyễn Nhật Dương kể từ ngày 23/5/2019. |
| 7 | 23/05/2019 | <ol style="list-style-type: none"> 1. Chấm dứt ủy quyền đại diện quản lý vốn của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas đô thị tại Công ty TNHH Thương mại Thiết bị Năng lượng Việt Nam đối với ông Văn Tuấn Anh kể từ ngày 23/5/2019. 2. Ủy quyền đại diện quản lý vốn của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas đô thị tại Công ty TNHH Thương mại Thiết bị Năng lượng Việt Nam đối với ông Nguyễn Nhật Dương kể từ ngày 23/5/2019. |
| 8 | 02/7/2019 | Triệu tập DIHDCD bất thường lần 1 năm 2019. |
| 9 | 02/7/2019 | Thôi đảm nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty đối với ông Bùi Xuân Năng kể từ ngày 02/7/2019. |
| 10 | 02/7/2019 | <ol style="list-style-type: none"> 1. Chấm dứt ủy quyền đại diện quản lý vốn của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas đô thị tại Công ty TNHH Thương mại Thiết bị Năng lượng Việt Nam đối với ông Nguyễn Nhật Dương kể từ ngày 02/7/2019. 2. Ủy quyền đại diện quản lý vốn của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas đô thị tại Công ty TNHH Thương mại Thiết bị Năng lượng Việt Nam đối với ông Liu XiaoDong kể từ ngày 02/7/2019. |

| | | |
|----|-----------|---|
| 11 | 02/7/2019 | <ol style="list-style-type: none"> 1. Chấm dứt ủy quyền đại diện quản lý vốn của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas đô thị tại Công ty TNHH PCG Phú Vinh đối với ông Nguyễn Nhật Dương kể từ ngày 02/7/2019. 2. Ủy quyền đại diện quản lý vốn của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas đô thị tại Công ty TNHH PCG Phú Vinh đối với ông Wang Xin kể từ ngày 02/7/2019. |
| 12 | 02/7/2019 | <ol style="list-style-type: none"> 1. Chấm dứt ủy quyền đại diện quản lý vốn của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas đô thị tại Công ty TNHH VN-GAS Dak Lak đối với ông Nguyễn Nhật Dương kể từ ngày 02/7/2019. 2. Ủy quyền đại diện quản lý vốn của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas đô thị tại Công ty TNHH VN-GAS Dak Lak đối với ông Triệu Quang Thanh kể từ ngày 02/7/2019. |
| 13 | 02/7/2019 | <ol style="list-style-type: none"> 1. Thôi đảm nhiệm chức vụ Giám đốc người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thương mại Thiết bị Năng lượng Việt Nam đối với ông Nguyễn Nhật Dương kể từ ngày 02/7/2019. 2. Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thương mại Thiết bị Năng lượng Việt Nam đối với ông Liu XiaoDong kể từ ngày 02/7/2019. |

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.

| TT | Thành viên BKS | Chức vụ | Số lượng CP SH | | Ghi chú |
|----|-------------------------|---------|----------------|-------|---------|
| | | | Số lượng | Tỷ lệ | |
| 1 | Ông Zhao Haichi | TB | 0 | | |
| 2 | Bà Nguyễn Thị Thu Hương | KSV | 0 | | |
| 3 | Bà Yang xing Qiong | KSV | 0 | | |

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát: .

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông: BKS công ty thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Pháp luật, kết quả giám sát năm 2019 như sau:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty trong việc lãnh đạo, chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của ban lãnh đạo Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Phối hợp với Hội đồng quản trị, kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty. Giám sát trong việc quản lý, sử dụng nguồn vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Công ty, nhằm đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí, tuân thủ đúng quy định, nội quy, quy chế của Công ty và pháp luật của Nhà nước.

- Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và cả năm, đảm bảo tính đúng đắn, minh bạch trong các báo cáo. Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, khả năng bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.
- Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện theo qui định tại Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
- Hội đồng quản trị tổ chức họp thường kỳ hàng quý, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đã tuân thủ theo đúng Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đã được Ban Giám đốc Công ty triển khai thực hiện theo đúng yêu cầu.
- Việc trả lương, thưởng cho người lao động được thực hiện đầy đủ. Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật.
- Năm 2019, Ban kiểm soát Công ty tổ chức 02 cuộc họp, nội dung các cuộc họp và kết quả như sau:

| Stt | Ngày họp | Nội dung |
|-----|------------|--|
| 1 | 10/04/2019 | Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2018, Kế hoạch hoạt động năm 2019. |
| 2 | 25/9/2019 | Bầu Trưởng ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024. |

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát 2019

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: đồng

| STT | Tên | Lương | Thù Lao | Tổng cộng | Ghi chú |
|-----|-------------------------|-------------|------------|-------------|----------------------------------|
| 1 | HDQT Nguyễn Thanh Tú | 49,000,000 | 24,000,000 | 73,000,000 | Bầu CT HDQT ngày 27/8/2019. |
| 2 | Liu Min | | 10,000,000 | 10,000,000 | Bầu là TV HDQT ngày 26/4/2019 |
| 3 | Liu YongXin | | 10,000,000 | 10,000,000 | Bầu là TV HDQT ngày 26/4/2019 |
| 4 | Giang Nhực Tri | | 10,000,000 | 10,000,000 | Bầu là TV HDQT ngày 22/8/2019 |
| 5 | Youn Kwon Seok | | 10,000,000 | 10,000,000 | Bầu là TV HDQT ngày 22/8/2019 |
| | Gao ZhiXin | | 14,000,000 | 14,000,000 | Miễn nhiệm TV HDQT từ 22/8/2019. |
| | Nguyễn Nhật Dương | 157,054,545 | | 157,054,545 | Miễn nhiệm TV HDQT từ 22/8/2019. |
| | Cheung YipSang | | 14,000,000 | 14,000,000 | Miễn nhiệm TV HDQT từ 26/4/2019. |

| | | | | | |
|---|-----------------------|-------------|------------|-------------|----------------------------------|
| | Lu ZhiMing | 31,690,909 | | 31,690,909 | Miễn nhiệm TV HĐQT từ 26/4/2019. |
| | Ban kiểm soát | | | - | |
| 1 | Zhao HaiChi | | 7,500,000 | 7,500,000 | Bầu là KSV ngày 22/8/2019. |
| 2 | Nguyễn Thị Thu Hương | | 18,000,000 | 18,000,000 | |
| 3 | Yang Xing Qiong | | 18,000,000 | 18,000,000 | |
| | Wang LingZhou | 92,888,690 | | - | Miễn nhiệm KSV 22/8/2019 |
| | Ban giám đốc | | | - | |
| 1 | Wang Xin | 193,675,000 | | 193,675,000 | Bổ nhiệm GD 23/5/2019 |
| 2 | Martin Wong Siew Bing | 288,682,628 | | 288,682,628 | |
| 3 | Liu XiaoDong | 175,336,968 | | 175,336,968 | Bổ nhiệm PGD 23/5/2019. |
| | Văn Tuấn Anh | 171,479,637 | | 171,479,637 | Miễn nhiệm Giám đốc 23/5/2019 |
| | Chen ZhiBin | 126,621,000 | | 126,621,000 | Miễn nhiệm PGD 23/5/2019 |
| | Bùi Xuân Năng | 175,936,000 | | 175,936,000 | Miễn nhiệm PGD 02/7/2019 |

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|--------------------------------|--|---------------------------|--------|----------------------------|--------|--|
| | | | Số CP | Tỷ lệ | Số CP | Tỷ lệ | |
| 1 | Nguyễn Thanh Tú | CT HĐQT | 2.247.700 | 11.91% | 2.291.800 | 12.15% | Mua CP |
| 2 | Nguyễn Thanh Tú | CT HĐQT | 2.291.800 | 12.15% | 2.291.700 | 12.14% | Bán CP |
| 3 | Công ty cổ phần đầu tư Việt Tú | CT HĐQT là Người đại diện theo pháp luật | 1.791.600 | 9.49% | 5.571.700 | 29.53% | Mua CP |

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã tuân thủ các quy định về quản trị Công ty. Trong năm, một cán bộ chủ chốt của Công ty đã tham gia khoa dự khóa đào tạo

Quản trị tài chính dành cho cán bộ quản lý doanh nghiệp và một số các khóa tập huấn, phổ biến các nghị định, thông tư mới do UBCKNN, Sở giao dịch CK Hà Nội tổ chức, tuy nhiên vì lý do bận công tác, một số cán bộ chủ chốt của Công ty chưa tham gia dù các khóa tập huấn này.

VI. Báo cáo tài chính/

1. Ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 4 năm 2020, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính

hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

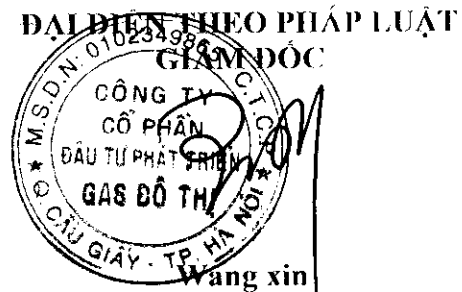
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/ (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính ...). Toàn văn báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 được đăng tại tài địa chỉ website: www.pvgascity.com.vn

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT HN;
- HĐQT, BKS (báo cáo);
- Lưu VT. H.03.



TCP